



Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314594467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Thông tin chi tiết về hoạt động chính của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1031, Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Phương	Thành viên
Ông Robert Alan Willett	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Tuấn Anh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

Số tham chiếu: 66883629/6679196-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 13 tháng 4 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		374.776.614.989	325.498.903.895
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	58.641.796.487	46.228.992.847
111	1. Tiền		58.641.796.487	25.528.992.847
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.700.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		102.039.056.000	78.098.321.820
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	14.951.321.820
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	102.039.056.000	63.147.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49.974.727.939	101.526.611.427
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		1.507.538.882	1.325.593.592
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	26.080.201.525	75.794.951.157
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	1.510.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	22.386.987.532	22.896.066.678
140	IV. Hàng tồn kho		141.097.461.615	88.026.678.994
141	1. Hàng tồn kho	9	141.097.461.615	88.026.678.994
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.023.572.948	11.618.298.807
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	22.353.047.651	11.437.396.714
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		670.525.297	175.426.304
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.475.789
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		160.998.575.748	54.124.330.638
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		18.100.354.500	11.230.447.075
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	18.100.354.500	11.230.447.075
220	II. Tài sản cố định		56.552.702.408	26.528.058.732
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	49.787.532.703	19.445.864.317
222	Nguyên giá		63.740.543.097	26.304.275.784
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.953.010.394)	(6.858.411.467)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.765.169.705	7.082.194.415
228	Nguyên giá		14.399.023.211	12.538.317.514
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.633.853.506)	(5.456.123.099)
260	III. Tài sản dài hạn khác		86.345.518.840	16.365.824.831
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	86.345.518.840	16.365.824.831
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		535.775.190.737	379.623.234.533

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		442.441.227.103	220.474.441.326
310	I. Nợ ngắn hạn		298.105.877.033	150.882.246.316
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	62.973.103.651	27.010.288.961
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	4.977.997.601	3.082.269.452
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.292.103.333	5.343.730.206
314	4. Phải trả người lao động	14	23.157.838.377	12.933.463.141
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	34.307.089.233	38.791.234.215
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		15.999.999	288.476.999
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.398.201.238	763.848.459
320	8. Vay ngắn hạn	17	161.983.543.601	62.668.934.883
330	II. Nợ dài hạn	17	144.335.350.070	69.592.195.010
338	1. Vay dài hạn		144.335.350.070	69.592.195.010
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		93.333.963.634	159.148.793.207
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	93.333.963.634	159.148.793.207
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		45.995.330.000	43.453.840.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.995.330.000	43.453.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		244.250.670.000	246.792.160.000
421	3. Lỗ lũy kế		(196.914.214.837)	(131.100.477.837)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(131.100.477.837)	(135.136.255.133)
421b	- (Lỗ)/lợi nhuận năm nay		(65.813.737.000)	4.035.777.296
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19	2.178.471	3.271.044
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		535.775.190.737	379.623.234.533

Nguyễn Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	969.189.148.605	425.966.343.628
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	969.189.148.605	425.966.343.628
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(464.303.526.513)	(201.152.850.909)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		504.885.622.092	224.813.492.719
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	6.563.576.978	4.530.912.173
22	7. Chi phí tài chính	22	(31.903.863.613)	(5.161.312.607)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		(30.894.923.405)	(4.958.998.812)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(386.719.688.175)	(158.242.849.824)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(155.660.602.065)	(61.269.054.001)
30	10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.834.954.783)	4.671.188.460
31	11. Thu nhập khác	24	3.569.173.126	1.105.246.853
32	12. Chi phí khác	24	(6.549.047.916)	(1.740.553.883)
40	13. Lỗ khác	24	(2.979.874.790)	(635.307.030)
50	14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(65.814.829.573)	4.035.881.430
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(65.814.829.573)	4.035.881.430
61	17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(65.813.737.000)	4.035.777.296
62	18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	19	(1.092.573)	104.134
70	19. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(14.817)	1.030
71	20. (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	(14.817)	1.030

Nguyễn Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(65.814.829.573)	4.035.881.430
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	9.805.538.258	5.262.903.297
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.797.190.318)	(3.597.636.589)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		30.149.014.313	4.976.466.549
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(28.657.467.320)	10.677.614.687
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		43.719.849.956	(58.609.268.932)
10	Tăng hàng tồn kho		(53.070.782.621)	(30.877.506.142)
11	Tăng các khoản phải trả		42.874.111.808	12.391.079.014
12	Tăng chi phí trả trước		(80.895.344.946)	(13.085.695.594)
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		14.951.321.820	(14.951.321.820)
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.658.391.453)	(5.021.702.615)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(88.736.702.756)	(99.476.801.402)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(39.644.436.562)	(37.097.240.194)
23	Tiền chi cho vay		(50.000.000.000)	(50.500.000.000)
24	Tiền thu về cho vay		11.107.944.000	18.353.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		4.597.689.727	2.314.416.023
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(73.938.802.835)	(66.929.824.171)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	77.879.140.000
33	Tiền thu từ đi vay		405.089.132.009	251.467.038.847
34	Tiền trả nợ gốc vay		(230.000.822.778)	(158.208.283.178)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		175.088.309.231	171.137.895.669
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.412.803.640	4.731.270.096
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.228.992.847	41.497.722.751
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	58.641.796.487	46.228.992.847

Nguyễn Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314594467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1031, Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 935 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 819 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon	99,99	99,99	Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý các khoản đầu tư
2	Công ty Cổ phần Vua Nệm (i)	99,99	99,99	Hà Nội	Kinh doanh thảm, đệm, chăn, rèm, ga trải giường, gối và sản phẩm dệt may khác.

(i) Công ty nắm giữ gián tiếp công ty con này thông qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon.

2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Áp dụng nguyên tắc hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Công ty và công ty con đã phát sinh khoản lỗ thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền là 65,8 tỷ VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lỗ lũy kế của Công ty và các công ty con là 196,9 tỷ VND. Những điều kiện này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các công ty con. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các công ty con phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ.

Dựa trên kế hoạch kinh doanh của Công ty và các công ty con cũng như các kế hoạch huy động nguồn tài chính, Ban Giám đốc của Công ty đã đánh giá rằng Công ty và các công ty con sẽ có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đảm bảo tiếp tục hoạt động trong năm tiếp theo mà không có bất cứ sự gián đoạn nào. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

3.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định khác	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

4.10 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và khi doanh thu có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp số dư phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ trong trường hợp tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức không có khả năng bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn/Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh đệm, chăn, ga, gối với doanh thu trong năm chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	1.628.454.253	361.747.609
Tiền gửi ngân hàng	46.527.910.689	20.101.115.390
Tiền đang chuyển	10.485.431.545	5.066.129.848
Tiền gửi có kỳ hạn	-	20.700.000.000
TỔNG CỘNG	58.641.796.487	46.228.992.847

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	102.039.056.000	102.039.056.000	63.147.000.000	63.147.000.000
TỔNG CỘNG	102.039.056.000	102.039.056.000	63.147.000.000	63.147.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,6% đến 6,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,6% đến 5,1%/năm). Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Novaon Digital	5.776.530.382	8.016.204.718
Công ty Cổ phần Robot Tosy	2.700.720.000	-
Công ty Cổ phần Winmedia	1.514.920.320	-
Công ty TNHH VinaTech	1.293.612.991	2.248.456.375
Trả trước người bán khác	14.794.417.832	65.530.290.064
TỔNG CỘNG	26.080.201.525	75.794.951.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	3.150.942.595	-	7.800.321.666	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.924.684.108	-	1.910.078.907	-
Phải thu khác thuế giá trị gia tăng chưa có hóa đơn	-	-	1.960.501.034	-
Phải thu về chiết khấu, hỗ trợ từ nhà cung cấp	14.630.840.684	-	9.968.697.187	-
Các khoản phải thu khác	2.680.520.145	-	1.256.467.884	-
TỔNG CỘNG	22.386.987.532	-	22.896.066.678	-
Dài hạn				
Tiền đặt cọc thuê văn phòng và cửa hàng	18.100.354.500	-	11.230.447.075	-
TỔNG CỘNG	18.100.354.500	-	11.230.447.075	-

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	138.211.022.380	-	84.944.460.154	-
Hàng mua đang đi trên đường	1.360.660.302	-	1.513.481.180	-
Nguyên liệu, vật liệu	519.674.213	-	532.726.386	-
Công cụ, dụng cụ	764.777.517	-	794.684.071	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241.327.203	-	241.327.203	-
TỔNG CỘNG	141.097.461.615	-	88.026.678.994	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	12.908.390.288	10.921.883.940	2.474.001.556	26.304.275.784
- Mua trong năm	3.389.472.391	33.133.333.128	2.162.904.641	38.685.710.160
- Thanh lý	-	(1.043.368.847)	(206.074.000)	(1.249.442.847)
Số cuối năm	16.297.862.679	43.011.848.221	4.430.832.197	63.740.543.097
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	2.143.001.395	3.707.889.924	1.007.520.148	6.858.411.467
- Khấu hao trong năm	3.489.928.871	3.808.352.988	329.525.992	7.627.807.851
- Thanh lý	-	(471.864.830)	(61.344.094)	(533.208.924)
Số cuối năm	5.632.930.266	7.044.378.082	1.275.702.046	13.953.010.394
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	10.765.388.893	7.213.994.016	1.466.481.408	19.445.864.317
Số cuối năm	10.664.932.413	35.967.470.139	3.155.130.151	49.787.532.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

*Phần mềm máy
tính*

Nguyên giá:

Số đầu năm	12.538.317.514
- Mua trong năm	<u>1.860.705.697</u>
Số cuối năm	<u>14.399.023.211</u>

Trong đó:

<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>845.962.610</i>
-----------------------	--------------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	5.456.123.099
- Hao mòn trong năm	<u>2.177.730.407</u>
Số cuối năm	<u>7.633.853.506</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>7.082.194.415</u>
Số cuối năm	<u>6.765.169.705</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí thuê cửa hàng, mặt bằng kinh doanh	13.253.039.247	6.935.841.850
Chi phí tiếp thị, quảng cáo trả trước	3.088.751.903	2.891.173.501
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.321.106.739	325.134.192
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>3.690.149.762</u>	<u>1.285.247.171</u>
TỔNG CỘNG	<u>22.353.047.651</u>	<u>11.437.396.714</u>
Dài hạn		
Chi phí lắp đặt cửa hàng	58.344.923.719	7.431.333.093
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	25.924.022.754	6.995.891.367
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	1.669.415.143	1.734.111.271
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>407.157.224</u>	<u>204.489.100</u>
TỔNG CỘNG	<u>86.345.518.840</u>	<u>16.365.824.831</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Inoac Living Việt Nam	7.136.628.671	7.136.628.671	5.747.180.626	5.747.180.626
Phải trả người bán khác	55.836.474.980	55.836.474.980	21.263.108.335	21.263.108.335
TỔNG CỘNG	62.973.103.651	62.973.103.651	27.010.288.961	27.010.288.961

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khách hàng đặt cọc tiền mua hàng	4.977.997.601	3.082.269.452
TỔNG CỘNG	4.977.997.601	3.082.269.452

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.616.844.593	3.945.946.794	(2.601.395.880)	5.961.395.507
Thuế thu nhập cá nhân	726.885.613	3.204.951.760	(601.129.547)	3.330.707.826
Các khoản thuế, phí khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	5.343.730.206	7.153.898.554	(3.205.525.427)	9.292.103.333

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trích trước chi phí mua hàng hóa	17.655.643.526	31.683.948.380
Trích trước chi phí quảng cáo	12.502.848.889	3.203.234.595
Trích trước lãi vay	135.528.808	83.074.836
Trích trước khác	4.013.068.010	3.820.976.404
TỔNG CỘNG	34.307.089.233	38.791.234.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.015.758.117	698.693.123
Các khoản phải trả khác	382.443.121	65.155.336
TỔNG CỘNG	<u>1.398.201.238</u>	<u>763.848.459</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	62.668.934.883	62.668.934.883	260.753.781.939	(210.000.822.778)	113.421.894.044	113.421.894.044	
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.2)	-	-	68.561.649.557	(20.000.000.000)	48.561.649.557	48.561.649.557	
	62.668.934.883	62.668.934.883	329.315.431.496	(230.000.822.778)	161.983.543.601	161.983.543.601	
Dài hạn							
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.2)	69.592.195.010	69.592.195.010	144.335.350.070	(69.592.195.010)	144.335.350.070	144.335.350.070	
	69.592.195.010	69.592.195.010	144.335.350.070	(69.592.195.010)	144.335.350.070	144.335.350.070	
TỔNG CỘNG	132.261.129.893	132.261.129.893	473.650.781.566	(299.593.017.788)	306.318.893.671	306.318.893.671	

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	58.495.196.049	Kỳ hạn vay 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 16 tháng 5 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	6% - 7,8%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	54.926.697.995	Kỳ hạn vay 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	7,6% - 9,3%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa.

TỔNG CỘNG

113.421.894.044

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17.	VAY (tiếp theo)				
17.2	Trái phiếu phát hành				
	<i>Đại lý quản lý tài khoản trái phiếu</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch	50.000.000.000	Kỳ hạn 24 tháng. Gốc trái phiếu đáo hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2023. Lãi trả hàng tháng.	Lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 12%/năm, lãi suất tiếp theo là 12,5% và 13% cho 6 tháng cuối cùng.	482.254 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm thuộc sở hữu của Ông Hoàng Tuấn Anh và Ông Nguyễn Vũ Nghĩa.
		150.000.000.000	Kỳ hạn 24 tháng. Gốc trái phiếu đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2024. Lãi trả hàng tháng.	12,5%/năm	Tín chấp
	<i>Chi phí phát hành trái phiếu</i>	<i>(7.103.000.373)</i>			
	TỔNG CỘNG	<u>192.896.999.627</u>			
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>48.561.649.557</i>			
	<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>144.335.350.070</i>			

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Năm trước:				
Số đầu năm	35.561.540.000	174.711.505.830	(135.136.255.133)	(1.473.090)
- Tăng vốn trong năm	7.497.910.000	72.564.590.000	-	4.640.000
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	394.390.000	(394.390.000)	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.035.777.296	104.134
- Giảm khác	-	(89.545.830)	-	-
Số cuối năm	43.453.840.000	246.792.160.000	(131.100.477.837)	3.271.044
Năm nay:				
Số đầu năm	43.453.840.000	246.792.160.000	(131.100.477.837)	3.271.044
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (*)	2.541.490.000	(2.541.490.000)	-	-
- Lỗi thuần trong năm	-	-	(65.813.737.000)	(1.092.573)
Số cuối năm	45.995.330.000	244.250.670.000	(196.914.214.837)	2.178.471
				93.333.963.634

(*) Theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Nghị quyết số 04/2022/NQ- HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã phát hành bổ sung trong năm 254.149 cổ phần cho các cán bộ quản lý của Công ty và các công ty con và sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần để chi trả cho đợt phát hành này.

Trong số cổ phiếu được phát hành nói trên, 76.245 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng sau 1 năm và 101.659 cổ phiếu còn lại được tự do chuyển nhượng sau 1 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	4.599.533	4.345.384
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.599.533	4.345.384
Cổ phiếu phổ thông	4.599.533	4.345.384
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	4.599.533	4.345.384
Cổ phiếu phổ thông	4.599.533	4.345.384
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phần).

18.3 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Future Changer Pte. Ltd.	32.206.400.000	3.220.640	70	32.206.400.000	3.220.640	74,1
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	2.820.120.000	282.012	6,1	2.377.250.000	237.725	5,47
Ông Hoàng Tuấn Anh	3.053.140.000	305.314	6,6	2.450.560.000	245.056	5,64
Các cổ đông khác	7.915.670.000	791.567	17,3	6.419.630.000	641.963	14,8
TỔNG CỘNG	45.995.330.000	4.599.533	100	43.453.840.000	4.345.384	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con</i>		<i>Tổng cộng</i>
	<i>Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon</i>	<i>Công ty Cổ phần Vua Nệm</i>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Vốn điều lệ đã góp	5.600.000	5.600.000	11.200.000
Lỗi lũy kế	(179.702)	(8.841.827)	(9.021.529)
	5.420.298	(3.241.827)	2.178.471
Phần lỗ sau khi mua cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	(253)	(1.092.320)	(1.092.573)
	(253)	(1.092.320)	(1.092.573)

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	969.189.148.605	425.966.343.628
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	967.972.513.343	422.382.446.665
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.216.635.262	3.583.896.963
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	969.189.148.605	425.966.343.628

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	4.612.294.928	3.755.998.484
Chiết khấu thanh toán	1.951.282.050	774.913.689
TỔNG CỘNG	6.563.576.978	4.530.912.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	464.303.526.513	201.152.850.909
TỔNG CỘNG	464.303.526.513	201.152.850.909

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	30.894.923.405	4.958.998.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	221.637.009	99.142.291
Chi phí tài chính khác	787.303.199	103.171.504
TỔNG CỘNG	31.903.863.613	5.161.312.607

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	93.006.281.835	44.833.733.064
Chi phí thuê mặt bằng	114.019.746.552	44.877.606.395
Chi phí quảng cáo	94.965.418.794	33.002.608.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.896.633.832	31.527.821.298
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ công cụ, dụng cụ	7.289.343.744	3.361.978.857
Chi phí khác	2.542.263.418	639.102.198
TỔNG CỘNG	386.719.688.175	158.242.849.824
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	71.871.839.830	39.133.999.718
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ công cụ, dụng cụ	3.468.607.059	2.573.768.872
Chi phí định vị thương hiệu	46.799.056.037	3.784.919.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.306.229.447	13.627.018.254
Chi phí khác	3.214.869.692	2.149.347.570
TỔNG CỘNG	155.660.602.065	61.269.054.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Các khoản hỗ trợ và thưởng từ nhà cung cấp	774.773.197	34.263.337
Thu nhập khác	2.794.399.929	1.070.983.516
	3.569.173.126	1.105.246.853
Chi phí khác		
Chi phí hủy, thanh lý TSCĐ và công cụ dụng cụ	2.531.338.533	1.126.264.693
Chi phí phạt hành chính	1.386.897.189	331.853.166
Chi phí khác	2.630.812.194	282.436.024
	6.549.047.916	1.740.553.883
LỖ KHÁC THUẦN	(2.979.874.790)	(635.307.030)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	464.303.526.513	201.152.850.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	364.275.257.172	127.459.075.744
Chi phí nhân công	164.878.121.665	83.967.732.782
Chi phí khấu hao và hao mòn	9.805.538.258	5.262.903.297
Chi phí khác	4.167.282.237	2.822.192.002
TỔNG CỘNG	1.007.429.725.845	420.664.754.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) của Công ty và các công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(65.814.829.573)	4.035.881.430
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(13.162.965.915)	807.176.286
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ theo Nghị định 132/NĐ-CP	5.194.474.267	122.919.221
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	339.390.204	99.428.598
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.029.524.105)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại không ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	7.629.101.444	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập/(lỗ) chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập/(lỗ) chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập/(lỗ) chịu thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập/(lỗ) chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 519.235.648.096 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 344.128.259.903 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2022
2017	2022	5.877.692.013	(5.877.692.013)	-	-
2018	2023	168.674.810.199	(21.494.660.083)	-	147.180.150.116
2019	2024	101.496.621.968	-	-	101.496.621.968
2020	2025	95.451.487.819	-	-	95.451.487.819
2022	2027	175.107.388.193	-	-	175.107.388.193
TỔNG CỘNG		546.608.000.192	(27.372.352.096)	-	519.235.648.096

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2022	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2022	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2022
2018	2023	319.509.762	-	-	319.509.762
2019	2024	1.731.624.394	-	-	1.731.624.394
2020	2025	2.107.823.812	-	-	2.107.823.812
2021	2026	614.596.106	-	-	614.596.106
2022	2027	25.972.371.335	-	-	25.972.371.335
TỔNG CỘNG		30.745.925.409	-	-	30.745.925.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định (tiếp theo)

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với chi phí lãi vay vượt ngưỡng khấu trừ theo luật định do Công ty và các công ty con chưa thể dự tính được liệu phần chênh lệch thấp hơn (nếu có) giữa chi phí lãi vay thực tế phát sinh và ngưỡng khấu trừ theo luật định của các năm sau có đủ để khấu trừ hay không.

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Future Changer Pte. Ltd.	Cổ đông kiểm soát
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT
Ông Robert Alan Willett	Thành viên HĐQT

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Future Changer Pte. Ltd.	Cổ đông kiểm soát	Nhận tiền góp vốn	-	80.062.500.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc của Công ty và các công con như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập (*)</i>		
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	960.000.000	500.238.133	
Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	1.308.000.000	860.408.021	
TỔNG CỘNG		2.268.000.000	1.360.646.154	

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Công ty và các công ty con hiện đang thuê các cửa hàng bán hàng và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	147.410.150.716	87.607.243.379
Từ 1 đến 5 năm	496.228.018.363	299.200.331.158
Trên 5 năm	22.277.332.364	14.682.000.000
TỔNG CỘNG	<u>665.915.501.443</u>	<u>401.489.574.537</u>

29. (LỖ)/LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	(65.813.737.000)	4.035.777.296
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>(65.813.737.000)</u>	<u>4.035.777.296</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.441.737	3.917.697
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.441.737	3.917.697
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu		
- (Lỗ)/lãi cơ bản	(14.817)	1.030
- (Lỗ)/lãi suy giảm	(14.817)	1.030

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	254,7	267,9

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Nguyễn Thanh Thủy
Người lập



Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 4 năm 2023

